# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 28, 08/07 – 12/07/2024

## Dấu hiệu "lờn thuốc" của VNINDEX trước thông tin tích cực

**Tiêu điểm:**

- Trong tháng 6/2024, CPI Mỹ giảm 0.1% so với tháng trước, là lần giảm đầu tiên kể từ tháng 5/2020. Nếu so với cùng kỳ, CPI Mỹ tăng 3%, cũng là mức thấp nhất trong hơn 3 năm và giảm so với mức 3.3% của tháng 5.
- Tỷ giá USD hôm nay 12/7/2024: Đồng USD tiếp đà "rơi thẳng đứng" xuống mức 104
- Vào ngày 9/7, Chủ tịch FED – Ông Powell cho biết lạm phát "vẫn trên" mức mục tiêu 2%. Nhưng dữ liệu đã được cải thiện trong những tháng gần đây. Ông lưu ý rằng "nhiều số liệu tốt hơn sẽ củng cố" khả năng Fed cắt giảm lãi suất.

**Đánh giá:** Thị trường tuần qua tiếp tục đón nhận tin vui từ vĩ mô thế giới, khiến các chỉ số chứng khoán thế giới liên tục tăng mạnh. Tuy nhiên diễn biến của thị trường trong nước vẫn chưa có nhiều thay đổi. Chúng tôi đánh giá bối cảnh vĩ mô không quá nhiều rủi ro (ngoại trừ lo ngại về lãi suất liên ngân hàng đang tăng cao) trong thời gian tới, tuy nhiên dòng tiền có sự phân hóa mạnh, nhóm vốn hóa lớn dẫn dắt thị trường điển hình như nhóm ngân hàng lại gặp nhiều khó khăn khi NIM kì vọng bị thu hẹp. Dòng tiền mua vào đang thiếu sự quyết liệt và khá thận trọng, vì thế chúng tôi cho rằng VNINDEX cần nhiều những thông tin tích cực hơn để bứt phá hoàn toàn khỏi vùng 1,300.

**Góc nhìn kĩ thuật:** VNINDEX có một tuần giao dịch giảm điểm nhẹ tại vùng kháng cự 1,280-1,300, đóng cửa tại 1,280 (-2.29 điểm; -0.18%) với thanh khoản thấp. Trên đồ thị ngày, thanh khoản sụt giảm với giá giảm cho thấy áp lực bán tương đối yếu. Xu hướng của thị trường đang giao dịch đi ngang trong biên độ 1,240 – 1,290. Việc VNINDEX vượt thoát hoàn toàn vùng 1,300 mới xác nhận mở ra xu hướng tăng tiếp.

**Ý tưởng đầu tư:** Nhà đầu tư chỉ nên giải ngân lấy vị thế ở biên dưới vùng hỗ trợ 1,240 hơn là giải ngân mạnh tại gần vùng đỉnh 1,300. Ưu tiên nhóm bán lẻ, thép và bất động sản với kì vọng phục hồi cuối năm.

| Dữ liệu thị trường tuần | | % Thay đổi | | | | | Định giá | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên chỉ số | Giá đóng cửa | 1W | 1M | 3M | YTD | Xu hướng | P/E | P/B | Vốn hóa (Tỷ USD) |
| VN-Index | 1,281 | -0.2 | -1.5 | 0.3 | 13.3 | | 15.9 | 1.8 | 207 |
| Upcom Index | 98 | -0.1 | -1.0 | 7.6 | 12.8 | | 12.6 | 1.3 | 66 |
| HNX Index | 245 | 1.1 | -1.3 | 1.5 | 6.1 | | 17.5 | 1.3 | 13 |
| VN30 Index | 1,302 | -1.1 | -2.3 | 1.3 | 15.1 | | 12.6 | 1.7 | 141 |
| S&P 500 Index | 5,585 | 0.3 | 3.0 | 9.0 | 17.1 | | 26.1 | 5.1 | 48,935 |
| STOXX Europe 600 Index | 521 | 0.8 | -0.4 | 3.1 | 8.7 | | 15.6 | 2.1 | 14,838 |
| Hang Seng | 18,293 | 2.8 | 2.0 | 9.4 | 7.3 | | 9.9 | 1.0 | 2,712 |
| Nikkei 225 | 41,191 | 0.7 | 6.0 | 4.2 | 23.1 | | 27.1 | 2.3 | 4,807 |
| SHCOMP Index | 2,971 | 0.7 | -2.2 | -1.6 | -0.1 | | 14.1 | 1.2 | 6,285 |
| STI Index | 3,497 | 2.6 | 5.8 | 8.7 | 8.0 | | 12.7 | 1.1 | 390 |
| KOSPI Index | 2,857 | -0.2 | 4.7 | 6.5 | 7.6 | | 17.0 | 1.0 | 1,656 |

Nguồn: Bloomberg

**Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm**




Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

# WEEKLY SNAPSHOT
## Theo vốn hóa và ngành

**Theo giá trị vốn hóa**

| Giá trị vốn hóa | 1W | 1M | 3M | YTD | % Thay đổi GTGD 1W | % Thay đổi GTGD 1M | % Thay đổi GTGD 3M | % Thay đổi GTGD YTD | % Tỷ trọng GTGD Current | % Tỷ trọng GTGD Change | Định giá P/E | Định giá P/B | Định giá Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Large Cap | -0.4 | -1.5 | 0.1 | 14.7 | 18.7 | -8.5 | -13.1 | -16.6 | 75.4 | -2.9 | 14.0 | 1.8 | 4,605,630 |
| Mid Cap | 1.4 | 1.7 | 7.9 | 20.6 | 41.0 | 8.0 | 2.8 | 2.9 | 23.5 | 3.0 | 22.3 | 1.3 | 571,086 |
| Small Cap | 0.6 | -0.2 | 1.9 | -0.6 | 14.2 | -9.9 | -10.3 | -16.2 | 1.2 | -0.1 | 71.9 | 0.7 | 62,314 |

**Theo ngành**

| Tên ngành | 1W | 1M | 3M | YTD | % Thay đổi GTGD 1W | % Thay đổi GTGD 1M | % Thay đổi GTGD 3M | % Thay đổi GTGD YTD | % Tỷ trọng GTGD Current | % Tỷ trọng GTGD Change | Định giá P/E | Định giá P/B | Định giá Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hóa chất | 5.4 | 4.0 | 14.5 | 52.3 | 50.1 | 15.1 | 22.2 | 37.7 | 8.0 | 1.4 | 30.7 | 2.3 | 270,793 |
| Dầu khí | 4.1 | 3.6 | 15.9 | 26.6 | 30.3 | 15.8 | -8.8 | -8.4 | 1.2 | 0.1 | 22.9 | 2.5 | 75,421 |
| Truyền thông | 3.3 | 0.4 | 4.1 | -17.4 | 171.0 | 71.4 | 38.4 | 19.9 | 0.1 | 0.1 | 24.0 | 0.9 | 1,768 |
| Dược và Y tế | 2.4 | 3.6 | 3.6 | 13.0 | 26.9 | 11.6 | 70.5 | 131.0 | 0.5 | 0.0 | 16.2 | 2.1 | 38,941 |
| Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp | 1.8 | 1.2 | 9.6 | 29.1 | 29.2 | -3.5 | -0.8 | 8.6 | 8.0 | 0.4 | 16.3 | 1.6 | 168,227 |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 1.7 | 0.8 | 2.2 | 21.2 | 23.3 | 13.1 | 11.7 | 33.8 | 2.3 | 0.0 | 16.1 | 1.9 | 64,636 |
| Xây dựng và vật liệu | 1.2 | -0.2 | -0.7 | 7.1 | 38.0 | -5.5 | -12.5 | -30.6 | 4.3 | 0.5 | 20.4 | 1.3 | 135,493 |
| Tài chính | 0.9 | -7.7 | -4.7 | 11.9 | 12.2 | -33.0 | -45.2 | -55.3 | 7.4 | -0.7 | 19.3 | 1.6 | 202,791 |
| Ô tô & Phụ tùng | 0.5 | 4.9 | 11.9 | 24.1 | -4.7 | -7.2 | 15.8 | 31.0 | 0.8 | -0.2 | 18.7 | 1.3 | 18,138 |
| Bất động sản | 0.4 | -2.4 | -8.9 | -2.6 | 30.2 | 6.9 | -12.8 | -24.1 | 16.6 | 0.9 | 15.8 | 1.1 | 730,298 |
| Tiện ích | 0.3 | 0.1 | 5.0 | 10.3 | 27.8 | -1.7 | 4.9 | 33.7 | 2.4 | 0.1 | 20.8 | 2.0 | 328,059 |
| Tài nguyên cơ bản | -0.4 | -3.1 | 4.9 | 11.9 | 31.8 | -1.8 | 0.7 | -4.7 | 7.7 | 0.5 | 22.9 | 1.6 | 235,379 |
| Bảo hiểm | -0.9 | 0.0 | 10.6 | 17.1 | 14.1 | 7.8 | 22.7 | 64.3 | 0.4 | 0.0 | 15.0 | 1.5 | 47,731 |
| Ngân hàng | -1.0 | -2.0 | -4.7 | 14.7 | 9.1 | -17.7 | -19.8 | -25.2 | 17.4 | -2.3 | 9.7 | 1.5 | 1,973,010 |
| Bán lẻ | -1.1 | 1.0 | 20.6 | 47.5 | 5.3 | 13.7 | 0.3 | 7.7 | 5.2 | -0.9 | 6.9 | 3.8 | 137,287 |
| Thực phẩm và đồ uống | -1.3 | -4.1 | 2.8 | 3.4 | 57.4 | 12.9 | -3.1 | -1.2 | 9.6 | 2.1 | 22.9 | 2.3 | 440,766 |
| Du lịch và Giải trí | -2.7 | 8.2 | 31.8 | 48.8 | 18.7 | -4.7 | 5.2 | 56.4 | 1.6 | -0.1 | n.a | 14.8 | 143,623 |
| Công nghệ Thông tin | -3.3 | 0.4 | 32.2 | 57.0 | -2.6 | -19.2 | 15.5 | 76.6 | 6.4 | -1.7 | 29.8 | 4.9 | 215,508 |

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

| Tên ETF | Tài sản (Triệu USD ) | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 1W | 1M | 3M | YTD |
| **Tổng các quỹ ETF** | **2,964** | -40.0 | -179.5 | -306.6 | -576.7 |
| **Nước ngoài** | **2,022** | -44.2 | -185.0 | -254.2 | -326.1 |
| VanEck Vectors Vietnam ETF | 504 | 0.0 | 0.0 | -5.2 | 65.5 |
| Fubon FTSE Vietnam ETF | 712 | -17.5 | -60.3 | -94.2 | -54.8 |
| iShares MSCI Frontier and Select EM ETF | 276 | -19.5 | -113.7 | -152.9 | -350.2 |
| Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF | 294 | -7.2 | -15.4 | -21.0 | 17.7 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF | 216 | 0.0 | 4.4 | 19.1 | 1.8 |
| Premia MSCI Vietnam ETF | 5 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | -5.6 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 Future | 5 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | -0.4 |
| Asian Growth CUBS ETF | 10 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| **Trong nước** | **941** | 4.3 | 5.5 | -52.5 | -250.6 |
| DCVFMVN Diamond ETF | 555 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| DCVFMVN30 ETF Fund | 292 | 5.3 | 10.5 | -15.7 | -94.2 |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF | 55 | -1.1 | -5.0 | -35.2 | -154.4 |
| MAFN VN30 ETF | 24 | 0.0 | -0.1 | -0.5 | -2.0 |
| SSIAM VNX50 ETF | 5 | 0.0 | 0.0 | -1.1 | -2.4 |
| VinaCapital VN100 ETF | 4 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| SSIAM VN30 ETF | 6 | 0.0 | 0.0 | 0.1 | 2.4 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

| Quốc gia | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|
| | WTD | MTD | QTD | YTD |
| Trung Quốc* | n.a | 4,960 | -3,356 | -3,356 |
| Ấn độ | 464 | 1,611 | 1,611 | 1,960 |
| Indonesia | 20 | 181 | 181 | -246 |
| Nhật Bản* | 3,756 | 3,756 | 3,756 | 42,792 |
| Maylaysia | 102 | 185 | 185 | 13 |
| Philippines | 0 | 4 | 4 | -523 |
| Hàn Quốc | 1,081 | 2,386 | 2,386 | 19,514 |
| Sri Lanka | 0 | 7 | 7 | -22 |
| Đài Loan | -1,075 | -724 | -724 | 3,659 |
| Thái Lan | -87 | -110 | -110 | -3,341 |
| Việt Nam | -145 | -229 | -229 | -1,906 |

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

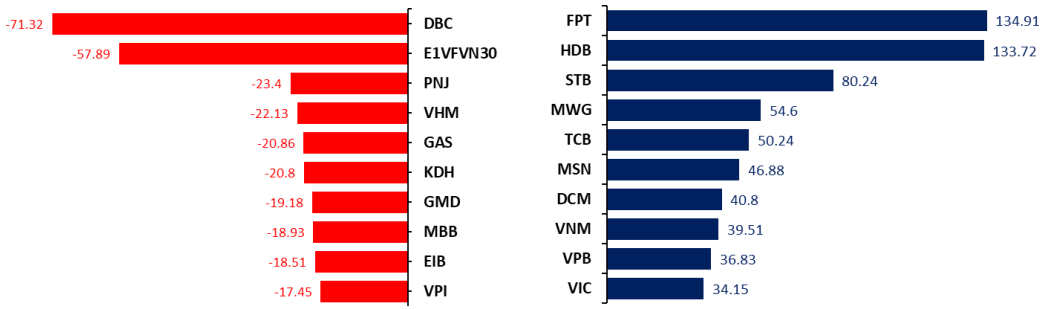
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

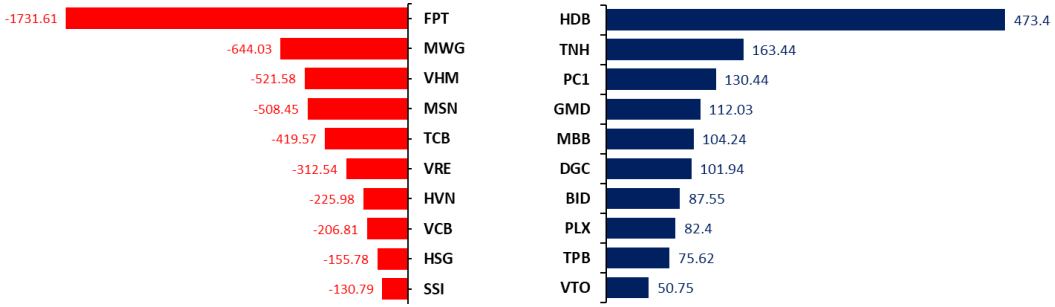
# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

### Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)




### Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)




Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

### Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

| Ngành ICB cấp 2 | Tự doanh (tỷ VND) | Nước ngoài (tỷ VND) | Cá nhân trong nước (tỷ VND) | Tổ chức trong nước (tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|
| Bất động sản | -7 | -814 | 936 | -122 |
| Tài nguyên Cơ bản | 30 | -231 | 525 | -294 |
| Truyền thông | 0 | 7 | -7 | 0 |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -29 | 93 | -116 | 22 |
| Y tế | 20 | 145 | -174 | 29 |
| Hóa chất | 58 | 66 | -165 | 100 |
| Dịch vụ tài chính | -40 | -134 | -66 | 201 |
| Du lịch và Giải trí | 23 | -348 | 203 | 145 |
| Ngân hàng | 360 | 115 | -6 | -109 |
| Xây dựng và Vật liệu | -6 | 70 | -78 | 7 |
| Thực phẩm và đồ uống | 25 | -433 | 546 | -112 |
| Bán lẻ | 51 | -487 | 439 | 48 |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -8 | -37 | 132 | -95 |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -23 | -23 | 1 | 21 |
| Công nghệ Thông tin | 121 | -1,685 | 1,561 | 124 |
| Ô tô và phụ tùng | -5 | -80 | 44 | 36 |
| Bảo hiểm | -6 | -3 | 15 | -12 |
| Dầu khí | 0 | 37 | -26 | -11 |
| **Tổng** | 563 | -3,743 | 3,765 | -21 |

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận



Shinhan Securities

# WEEKLY SNAPSHOT
## Top cổ phiếu đáng chú ý

### HSX

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DXS | Bất động sản | 5.41 - 9.83 | 6.3 | -11.7% |
| 2 | ADG | Truyền thông | 14.10 - 36.50 | 14.5 | -9.9% |
| 3 | HTL | Ô tô và phụ tùng | 11.55 - 25.00 | 19.8 | -9.6% |
| 4 | S4A | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 30.30 - 43.00 | 39.0 | -9.0% |
| 5 | RDP | Hóa chất | 4.27 - 12.50 | 4.5 | -8.7% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 21.3% | 15.4 | 8.50 - 16.00 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | VTO |
| 20.5% | 15.3 | 7.74 - 16.10 | Hóa chất | SFG |
| 19.7% | 81.6 | 47.36 - 83.00 | Y tế | IMP |
| 18.5% | 17.3 | 10.65 - 21.90 | Bất động sản | FDC |
| 17.4% | 81.6 | 13.24 - 41.15 | Hóa chất | CSV |

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

### HNX

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | SGH | Du lịch và Giải trí | 23.50 - 46.70 | 35.2 | -20.7% |
| 2 | TPH | Truyền thông | 9.80 - 16.90 | 10.1 | -18.5% |
| 3 | MAC | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 9.10 - 23.00 | 19.0 | -13.2% |
| 4 | VCM | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 11.20 - 26.80 | 11.2 | -12.5% |
| 5 | SJ1 | Thực phẩm và đồ uống | 10.10 - 18.90 | 11.0 | -12.0% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 19.6% | 28.1 | 11.00 - 30.50 | Hóa chất | LAS |
| 19.2% | 8.7 | 7.20 - 15.10 | Xây dựng và Vật liệu | VE3 |
| 18.8% | 12.2 | 6.70 - 12.80 | Hóa chất | VTZ |
| 18.1% | 8.5 | 6.80 - 9.40 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | SDC |
| 17.5% | 6.7 | 3.70 - 7.30 | Xây dựng và Vật liệu | DTC |

### Upcom

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | SJM | Xây dựng và Vật liệu | 3.50 - 12.30 | 6.3 | -35.1% |
| 2 | CID | Xây dựng và Vật liệu | 7.00 - 61.20 | 39.8 | -27.6% |
| 3 | BBH | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 7.10 - 15.20 | 11.0 | -27.2% |
| 4 | FCS | Thực phẩm và đồ uống | 5.80 - 18.20 | 8.2 | -26.8% |
| 5 | LUT | Xây dựng và Vật liệu | 5.80 - 17.90 | 9.0 | -22.4% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 85.7% | 2.6 | 1.10 - 2.60 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | PTX |
| 72.0% | 16.0 | 8.20 - 21.60 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | SII |
| 43.1% | 22.9 | 15.00 - 25.00 | Y tế | BIO |
| 42.6% | 14.4 | 8.50 - 14.40 | Du lịch và Giải trí | BTV |
| 42.5% | 5.7 | 2.70 - 9.10 | Du lịch và Giải trí | TSD |

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

**Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước**

| STT | Mã | Tên công ty | Ngành | Giá trị giao dịch | | Giá cổ phiếu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | TB Ngày (Triệu VND) | %1W | Giá (nghìn VND) | Biến động 52 tuần | %1W |
| 1 | CSM | Cao su Miền Nam | Ô tô và phụ tùng | 5,182.6 | 455.5 | 15.0 | 11.70 - 18.80 | -0.7 |
| 2 | PAC | Pin Ắc quy Miền Nam | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 7,101.0 | 243.4 | 52.1 | 23.00 - 57.40 | 3.6 |
| 3 | DHG | Dược Hậu Giang | Y tế | 4,582.5 | 198.7 | 111.5 | 95.00 - 140.00 | -1.4 |
| 4 | ANV | Thủy sản Nam Việt | Thực phẩm và đồ uống | 90,904.9 | 188.7 | 36.0 | 24.55 - 41.95 | 7.2 |
| 5 | VTO | VITACO | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 31,159.4 | 180.6 | 15.4 | 8.50 - 16.00 | 21.3 |
| 6 | HT1 | VICEM Hà Tiên | Xây dựng và Vật liệu | 11,441.4 | 176.2 | 14.1 | 10.80 - 17.65 | 9.3 |
| 7 | GEG | Điện Gia Lai | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 29,998.4 | 134.5 | 16.6 | 11.90 - 16.65 | 14.9 |
| 8 | SJD | Thủy điện Cần Đơn | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 2,495.1 | 133.8 | 16.2 | 13.70 - 20.00 | 0.9 |
| 9 | CNG | CNG Việt Nam | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 11,527.1 | 127.1 | 34.7 | 25.10 - 39.90 | 1.5 |
| 10 | YEG | Tập đoàn Yeah1 | Truyền thông | 13,261.9 | 101.4 | 9.9 | 6.77 - 12.70 | 7.4 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

### Tỷ giá

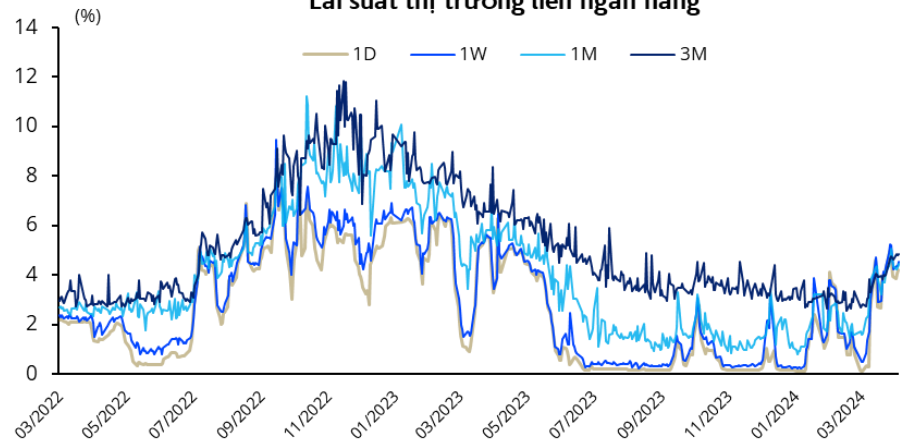
| | Giá | %1W | %1M | %3M | %YTD | Xu hướng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 104.41 | -0.4 | -0.2 | -1.5 | 3.0 | |
| VND/USD | 25,416 | 0.0 | -0.1 | 1.5 | 4.7 | |
| KRW/USD | 1,376.25 | -0.3 | 0.0 | 0.1 | 6.8 | |
| JPY/USD | 159.18 | -1.0 | 1.6 | 3.9 | 12.9 | |
| EUR/USD | 0.92 | -0.4 | -0.7 | -2.2 | 1.4 | |
| SGD/USD | 1.34 | -0.4 | -0.3 | -1.3 | 1.7 | |
| CNY/USD | 7.26 | -0.1 | 0.2 | 0.3 | 2.2 | |

### Hàng hóa

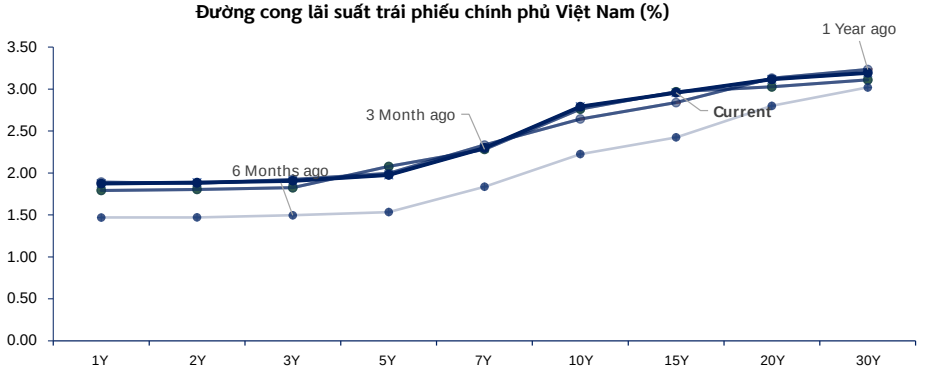
| | Giá (USD) | %1W | %1M | %3M | %YTD | Xu hướng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dầu thô | 83.47 | 0.4 | 6.3 | -2.6 | 16.5 | |
| Xăng | 253.25 | -1.0 | 5.8 | -9.6 | 20.4 | |
| Gas | 2.27 | -2.1 | -25.5 | 28.2 | -9.7 | |
| Than | 133.75 | -2.0 | 1.9 | 3.9 | -8.6 | |
| Vàng | 2,405.83 | 0.6 | 3.5 | 2.6 | 16.6 | |
| Bạc | 30.82 | -1.3 | 3.7 | 10.6 | 29.5 | |
| Platinum | 996.47 | -3.3 | 3.6 | 2.0 | 0.5 | |
| Quặng sắt | 109.58 | -3.1 | 3.1 | 4.7 | -19.6 | |
| Thép cán | 3,666.00 | -1.8 | -2.6 | -2.7 | -10.1 | |
| Lúa mì | 554.25 | 0.0 | -11.5 | 0.5 | -11.7 | |
| Ngô | 406.75 | 0.8 | -9.5 | -5.1 | -13.7 | |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

### Lãi suất thị trường liên ngân hàng




### Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)




| TG đáo hạn | 1 Yr | 2 Yrs | 3 Yrs | 5 Yrs | 7 Yrs | 10 Yrs | 15 Yrs | 20 Yrs | 30 Yrs |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Lãi suất | 1.87 | 1.89 | 1.91 | 1.98 | 2.30 | 2.79 | 2.96 | 2.97 | 2.42 |
| Thay đổi (BPS)* | 0.20 | 0.20 | 0.20 | -0.10 | 1.30 | 1.60 | 0.00 | 0.20 | 0.20 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



Shinhan Securities

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

# Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

## Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.